TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2017-2018
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2017

LỚP: 1729TN01

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI					GHI CHÚ
						TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	TIN HỌC	
1	T1700010	NGUYỄN THƯỢNG THỊ HUỲNH	ANH	X	07/05/1999	10,0	9,0	7,0	5,0	7,0	
2	T1700011	TRẦN KỲ	ANH		29/06/1999	10,0	9,0	8,5	4,0	8,5	
3	T1700025	LÝ HỒNG	CẨM	X	14/09/1999	9,5	9,0	7,0	4,0	6,5	
4	T1700035	PHẠM THỊ KIM	CƯƠNG	X	09/10/1999	9,0	6,5	8,0	6,0	7,0	
5	T1700037	BÙI CHÍ	ĐĂNG		25/01/1999	7,5	5,0	6,0	6,0	6,0	
6	T1700042	NGUYỄN THỊ THÚY	DI	X	18/01/1999	9,0	4,5	5,5	4,0	7,5	
7	T1700052	LÂM CHẤN	DŨ		03/02/1999	8,5	5,5	8,0	4,0	6,5	
8	T1700055	NGUYỄN THÀNH	ĐỨC		19/07/1999	9,0	8,0	4,5	5,0	7,0	
9	T1700060	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUNG	X	12/06/1999	9,5	6,5	7,0	4,5	7,5	
10	T1700064	LÊ TƯỜNG	DŨNG		20/08/1999	9,0	7,0	4,5	5,5	8,0	
11	T1700075	HUỲNH ĐỨC	DUY		04/05/1999	8,5	7,5	5,0	3,0	7,5	
12	T1700081	TRƯƠNG THỊ KIỀU	DUY	X	26/07/1999	9,0	9,0	7,5	3,5	6,5	
13	T1700092	LƯƠNG THỊ HỒNG	GẤM	X	13/09/1999	10,0	9,5	6,0	3,5	7,0	
14	T1700093	ĐỖ HOÀNG	GIANG		20/07/1999	7,0	6,5	5,0	4,0	6,0	
15	T1700098	TRẦN QUỐC	HẢI		21/02/1999	10,0	8,5	5,5	7,5	7,5	
16	T1700107	HUỲNH NHỰT	HÀO		03/07/1999	10,0	6,5	2,0	5,5	7,5	
17	T1700138	HUỲNH NGỌC HẠ	HUYỀN	X	31/01/1999	10,0	8,0	6,0	6,5	7,0	
18	T1700140	NGÔ THỊ MỸ	HUYỀN	X	29/12/1999	10,0	8,0	6,5	4,5	7,0	
19	T1700141	LÊ THỊ	HUYỀN	X	01/01/1999	10,0	5,5	8,5	4,5	8,5	
20	T1700142	LÂM THANH SA	HUYNH		09/09/1999	8,0	4,0	3,0	4,0	5,0	
21	T1700148	ĐOÀN HOÀNG	KHA		19/02/1999	6,0	9,0	3,5	4,0	5,0	
22	T1700151	NGUYỄN THỊ	KHÁ	X	09/12/1997	8,0	9,0	4,5	3,0	5,0	
23	T1700156	NGUYỄN QUỐC	KHANG		10/12/1999	9,0	7,5	8,5	4,5	5,0	
24	T1700159	NGUYỄN TRƯỜNG	KHANG		21/11/1999	9,0	7,5	5,5	5,0	5,0	
25	T1700161	TRẦN VĂN	KHANG		02/10/1999	6,0	7,5	5,5	4,0	6,5	
26	T1700163	NGUYỄN NHỰT	KHANH		01/01/1999	10,0	9,0	6,0	5,0	7,0	
27	T1700172	CHAU SO	KHÊNH		13/10/1999	6,5	5,5	6,0	4,5	7,5	
28	T1700175	NGUYỄN PHẠM ĐĂNG	KHOA		15/11/1999	9,0	4,5	7,0	6,5	8,0	
29	T1700178	PHẠM TRUNG	KIÊN		21/02/1999	8,5	7,5	6,0	5,0	7,0	
30	T1700192	LÊ THANH	LIÊM		24/08/1999	8,5	6,5	7,0	4,5	6,5	
31	T1700209	NGÔ PHƯỚC	LỘC		11/11/1997	7,0	9,0	5,0	4,5	6,0	
32	T1700308	TRƯƠNG ĐỊNH Í	NHƯ	X	25/06/1999	8,0	7,5	2,5	5,0	6,0	
33	T1700756	LÊ THỊ THÚY	AN	X	11/06/1999	8,0	8,0	5,5	5,5	6,5	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2017-2018
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2017

LỚP: 1729TN02

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI					GHI CHÚ
						TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	TIN HỌC	
1	T1700204	HỒ THỊ YẾN	LINH	X	23/09/1999	10,0	7,5	6,0	5,0	7,0	
2	T1700205	NGUYỄN HOÀNG GIANG	LĨNH		15/10/1999	9,0	6,5	4,5	4,0	6,5	
3	T1700229	NGUYỄN VŨ	MINH		13/06/1999	10,0	8,5	6,5	8,5	6,0	
4	T1700232	TỪ THỊ KIỀU	MY	X	30/10/1999	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
5	T1700236	PHAN HOÀNG	NAM		23/05/1999	9,5	7,5	6,5	5,0	6,0	
6	T1700237	NGUYỄN TRỊNH PHƯƠNG	NAM		05/05/1999	9,0	7,5	3,5	5,0	6,0	
7	T1700238	NGUYỄN QUỐC	NAM		29/01/1999	8,0	5,0	4,0	4,0	6,0	
8	T1700241	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGA	X	06/06/1999	5,5	7,0	4,0	4,5	5,0	
9	T1700243	PHÙNG KIM	NGÂN	X	12/12/1999	10,0	9,0	7,5	6,5	8,0	
10	T1700244	GIANG THỊ NGỌC	NGÂN	X	27/08/1999	10,0	9,5	3,5	3,0	8,5	
11	T1700253	NGUYỄN HỮU	NGHỊ		18/01/1999	10,0	9,5	6,5	5,5	5,0	
12	T1700259	LÊ THÀNH	NGHIỆM		06/02/1998	9,5	8,5	4,0	3,0	4,5	
13	T1700263	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	X	26/03/1999	10,0	9,5	6,5	4,0	5,5	
14	T1700276	LÊ QUỐC	NHÃ		09/08/1999	8,0	7,5	5,0	5,0	6,0	
15	T1700277	CAO THANH	NHÀ		04/11/1998	9,0	8,5	5,0	6,5	6,5	
16	T1700279	LA HIỀN	NHÂN		29/08/1999	9,0	5,0	3,5	4,0	6,5	
17	T1700280	CHÂU MỸ	NHÂN	X	04/06/1999	9,5	6,0	5,0	6,0	5,0	
18	T1700284	VŨ MINH	NHẬT		07/06/1999	10,0	8,5	5,0	4,0	6,5	
19	T1700287	DƯƠNG LÊ NGỌC	NHI	X	14/12/1999	9,5	5,5	3,0	5,0	8,0	
20	T1700291	LƯ THỊ TUYẾT	NHI	X	23/04/1999	9,5	9,5	6,5	3,0	7,0	
21	T1700296	ĐỖ THỊ	NHÍ	X	03/01/1999	10,0	9,0	7,0	6,0	6,5	
22	T1700297	PHẠM THỊ BẢO	NHIÊN	X	28/04/1999	10,0	9,0	4,0	4,0	6,0	
23	T1700298	PHAN THÁI	NHIÊN		15/01/1999	9,0	6,0	4,5	3,5	6,5	
24	T1700319	NGUYỄN THỊ HOÀNG	OANH	X	01/05/1999	9,5	8,0	3,5	6,5	5,5	
25	T1700334	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC		26/09/1999	9,5	4,0	4,0	4,5	6,5	
26	T1700339	PHAN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	X	01/06/1999	7,0	5,5	5,0	6,5	6,0	
27	T1700745	TRẦN NGUYỄN HUỲNH	NHƯ	X	03/03/1999	9,5	7,5	7,0	4,5	6,5	
28	T1700747	PHAN HIẾU	NHÂN		20/09/1999	9,0	7,5	3,0	4,5	4,5	
29	T1700757	PHẠM THỊ MAI	PHƯỜNG	X	05/05/1999	9,5	8,5	8,5	6,0	5,5	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA DỰ BỊ DÂN TỘC
CÔNG VĂN ĐẾN
Số đến: 330
Ngày 28/12/2017

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2017-2018
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2017

LỚP: 1729TN03

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI					GHI CHÚ
						TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	TIN HỌC	
1	T1700245	NGUYỄN NGỌC	NGÂN	X	19/04/1999	9,0	9,0	7,0	7,0	7,0	
2	T1700313	NGUYỄN THANH	NHỰT		10/06/1999	8,0	8,5	5,5	8,0	9,0	
3	T1700324	VÕ TUẤN	PHONG		21/06/1999	10,0	9,0	8,5	8,5	8,0	
4	T1700332	HỒ QUỐC	PHÚC		29/10/1999	9,5	6,5	8,5	7,0	7,5	
5	T1700347	NGUYỄN THIỆN	QUANG		27/05/1999	8,5	8,5	3,0	3,5	6,0	
6	T1700353	NGUYỄN VĂN	QUÝ		16/01/1998	9,0	7,5	6,0	8,0	5,0	
7	T1700355	TRƯƠNG THỊ KIM	QUYÊN	X	23/11/1999	7,5	6,5	6,5	4,5	6,5	
8	T1700370	TRẦN HỮU	TÀI		14/04/1999	9,5	7,5	8,0	5,5	5,5	
9	T1700373	DANH CHÍ	TÂM		09/03/1999	9,5	7,5	6,5	6,0	5,5	
10	T1700377	VÕ HOÀNG	TÂN		11/02/1998	9,5	8,5	5,5	7,0	6,5	
11	T1700378	NGUYỄN VIỆT	TÂN		28/07/1999	9,5	8,5	8,5	8,5	7,5	
12	T1700379	HUỲNH NGỌC	THẠCH		19/06/1999	10,0	8,5	9,5	8,0	8,0	
13	T1700381	NGUYỄN QUỐC	THÁI		27/05/1999	9,0	8,5	6,0	6,0	6,0	
14	T1700390	TRƯƠNG HIỀN	THANH		29/07/1998	10,0	9,0	8,0	6,0	6,5	
15	T1700391	NGUYỄN NGỌC	THANH	X	15/07/1999	6,0	2,0	4,0	4,0	6,5	
16	T1700400	NGUYỄN THỊ KIM	THẢO	X	01/07/1999	10,0	6,0	5,0	6,0	6,5	
17	T1700404	MAI THỊ	THẢO	X	01/01/1999	10,0	8,0	8,5	5,5	7,0	
18	T1700405	LÝ THU	THẢO	X	08/07/1999	10,0	8,5	7,0	5,5	6,5	
19	T1700407	NGUYỄN TOÀN	THẾ		08/05/1999	9,5	8,5	6,5	6,5	6,0	
20	T1700411	CHAU SÓC	THIL		01/01/1999	7,5	5,5	4,5	3,5	5,5	
21	T1700414	NGUYỄN THỊ BÉ	THƠ	X	02/11/1999	10,0	8,5	6,5	6,0	7,5	
22	T1700439	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	X	13/09/1999	10,0	8,5	7,5	7,5	6,5	
23	T1700446	NGUYỄN XUÂN	TÍN		28/04/1999	10,0	8,5	7,5	5,0	5,0	
24	T1700448	NGUYỄN HỮU	TÌNH		30/11/1999	8,5	8,5	6,5	5,5	7,0	
25	T1700456	NGUYỄN THỊ ÁI	TRÂN	X	03/07/1999	8,5	8,0	5,5	4,5	5,5	
26	T1700463	TRẦN HUYỀN	TRANG		07/03/1999	6,5	7,5	5,0	6,5	7,5	
27	T1700466	ĐOÀN THỊ MINH	TRANG	X	21/05/1999	10,0	5,5	7,5	6,0	7,5	
28	T1700474	LÊ THỊ THANH	TRÚC	X	07/12/1999	9,5	7,0	8,5	5,5	7,5	
29	T1700478	NGUYỄN TẤN	TRƯỜNG		28/05/1999	8,5	8,0	6,5	6,0	7,5	
30	T1700499	PHAN THỊ CẨM	VÂN	X	04/06/1999	9,5	8,5	5,5	4,0	6,5	
31	T1700507	NGUYỄN MẠC PHƯƠNG	VI	X	02/02/1999	8,5	8,5	6,5	5,5	9,0	
32	T1700513	NGUYỄN THANH	VIỆT		06/08/1998	9,5	8,5	7,0	4,0	6,0	
33	T1700525	ĐỖ KIM	XUYẾN	X	05/01/1999	9,5	8,5	7,5	6,0	7,0	
34	T1700534	NGUYỄN THỊ	YẾN	X	29/08/1999	10,0	7,0	7,0	5,0	5,0	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2017-2018
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2017

LỚP: 1729XH01

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI					GHI CHÚ
						VĂN	SỬ	ĐỊA	ANH	TIN HỌC	
1	T1700539	NGUYỄN TRƯỜNG	AN		20/12/1999	8,5	9,0	7,0	9,5	9,0	
2	T1700550	NGUYỄN CHÂN	CHÍNH		19/11/1997	4,5	8,5	6,0	8,5	8,0	
3	T1700552	VĂN THỊ KIM	CƯƠNG	X	12/01/1999	7,5	8,5	5,0	8,0	9,5	
4	T1700556	GIANG LÊ THÀNH	ĐẠT		06/02/1999	8,0	8,5	8,0	7,0	6,5	
5	T1700559	NGÔ QUẢN	ĐÔNG		24/04/1999	7,0	8,5	6,0	7,5	8,0	
6	T1700560	MAI VĂN	ĐÔNG		31/10/1998	3,5	8,0	5,0	8,0	5,0	
7	T1700563	TRẦN HUYỀN	DUNG	X	10/02/1999	5,5	8,0	5,0	6,0	8,5	
8	T1700564	PHẠM HỒNG	DŨNG		07/04/1999	6,0	8,5	5,5	7,0	8,0	
9	T1700584	NGUYỄN MINH	HIẾU		20/08/1999	7,0	9,5	6,0	8,0	8,5	
10	T1700591	HỒ THUẬN	HƯNG		06/02/1999	4,5	8,5	6,0	9,0	7,5	
11	T1700596	NGUYỄN THANH	KHANH		06/10/1999	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
12	T1700597	PHAN HUỲNH TẤN	KHOA		23/04/1999	7,0	8,5	7,0	7,5	9,0	
13	T1700598	ĐẶNG HOÀNG	KHƯƠNG		10/05/1999	4,0	7,5	6,0	6,5	7,5	
14	T1700618	NGUYỄN THỊ TRÀ	MI	X	21/07/1999	5,5	8,0	6,0	7,0	9,0	
15	T1700623	SA FI	NAH	X	24/12/1999	5,0	8,0	5,0	9,0	8,5	
16	T1700624	HÀ HOÀI	NAM		19/11/1999	7,0	9,0	9,5	7,0	8,0	
17	T1700627	LƯU HOÀNG GIA	NGHI	X	01/01/1999	6,5	8,5	7,0	8,0	5,0	
18	T1700634	LÊ NGUYỄN TRÍ	NHÂN		24/07/1999	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
19	T1700636	NGUYỄN THỊ ÁNH	NHI	X	28/06/1999	3,5	7,0	8,0	3,0	6,5	
20	T1700651	PHẠM HỒNG	NHƯ	X	19/06/1999	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
21	T1700655	PHẠM THỊ HUỲNH	NHƯ	X	10/11/1999	6,5	6,0	5,5	5,0	8,0	
22	T1700685	NGUYỄN HỮU	KHANH		27/03/1999	6,0	8,5	5,0	4,5	8,0	
23	T1700748	VÕ BẢO	CHÂN	X	20/04/1999	5,5	8,0	6,5	8,0	7,0	
24	T1700749	CAO VÕ THẮNG	LỘC		09/09/1999	2,0	8,0	8,0	8,0	8,0	
25	T1700751	PHẠM NGỌC	HUYỀN	X	20/04/1999	6,0	9,0	6,5	6,5	6,5	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2017-2018
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2017

LỚP: 1729XH02

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI					GHI CHÚ
						VĂN	SỬ	ĐỊA	ANH	TIN HỌC	
1	T1700385	LÊ ĐẶNG ĐỨC	THẮNG		05/08/1999	8,0	9,0	8,0	7,5	8,0	
2	T1700616	TRẦN THỊ THẢO	LY	X	11/08/1999	9,0	9,5	8,5	8,0	7,5	
3	T1700640	KHƯU THIÊN	NHI	X	30/04/1999	6,5	8,0	5,0	6,0	7,5	
4	T1700641	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	X	02/01/1999	7,0	8,0	8,5	5,5	8,0	
5	T1700646	TRẦN MINH	NHÍ		20/02/1999	8,5	9,0	9,0	6,0	5,0	
6	T1700658	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	X	26/09/1999	4,0	9,0	7,0	5,5	5,0	
7	T1700665	NGUYỄN CHÂU AN	PHÚC	X	25/04/1999	5,0	7,0	5,5	6,0	6,5	
8	T1700674	LỮ THỊ YẾN	SANG	X	02/09/1999	8,5	9,0	9,5	7,5	7,5	
9	T1700678	NGUYỄN KHAI	TÂM		07/03/1999	7,0	9,5	9,0	7,0	9,0	
10	T1700679	NGUYỄN TRÍ	TÂN		28/04/1999	6,0	8,0	8,5	7,5	7,5	
11	T1700684	NGUYỄN HUỲNH XUÂN	THẮNG		26/02/1997	3,0	5,0	4,0	5,0	5,0	
12	T1700694	LÊ ANH	THƯ	X	21/04/1999	6,5	9,5	9,0	7,0	5,5	
13	T1700695	LÝ NGỌC ANH	THƯ	X	09/07/1999	9,0	9,0	9,0	7,5	7,0	
14	T1700698	TRƯƠNG THỊ ANH	THƯ	X	28/02/1999	9,0	8,5	8,0	8,5	6,0	
15	T1700700	TÔ LÊ MINH	THƯ	X	23/08/1999	7,0	5,0	9,0	7,0	8,0	
16	T1700702	NGUYỄN MINH	THÙY	X	30/03/1999	8,5	8,5	6,5	8,5	6,5	
17	T1700705	TRẦN THỊ MỸ	TIÊN	X	05/10/1999	5,5	9,0	8,5	8,5	6,0	
18	T1700708	TRỊNH MINH	TIẾN		09/03/1999	5,0	8,0	8,0	8,5	6,5	
19	T1700716	NGUYỄN HOÀI MAI	TRANG	X	19/05/1999	8,0	9,0	5,5	5,5	9,0	
20	T1700721	VÕ TÚ	TRINH	X	27/04/1999	6,5	8,5	8,5	7,0	8,0	
21	T1700723	ĐẶNG HỒ NGỌC	TRÚC	X	25/09/1999	6,5	9,0	9,0	9,0	9,0	
22	T1700724	PHÙNG MINH	TRUNG		30/07/1999	6,0	8,0	9,5	7,5	8,0	
23	T1700733	PHẠM NGỌC LAN	VY	X	20/12/1999	9,0	8,5	7,0	9,0	6,5	
24	T1700739	LÝ KIM	Ý	X	20/02/1999	8,0	8,0	5,0	7,5	7,5	
25	T1700741	TRẦN THỊ NHƯ	Ý	X	10/10/1998	7,5	8,5	8,5	7,0	6,0	
26	T1700746	HỨA THANH	VIỆT		09/08/1999	7,0	9,0	9,5	7,5	9,0	
27	T1700753	TRẦN THỊ NHƯ	Ý	X	15/05/1999	8,0	9,5	9,0	8,0	9,0	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí